

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/2021/TT-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Hướng dẫn hoạt động chuyển tiền một chiều từ Việt Nam ra nước ngoài và thanh toán, chuyển tiền cho các giao dịch vãng lai khác của người cư trú là tổ chức, cá nhân

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 70/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn hoạt động chuyển tiền một chiều từ Việt Nam ra nước ngoài và thanh toán, chuyển tiền cho các giao dịch vãng lai khác của người cư trú là tổ chức, cá nhân.

CHƯƠNG I QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn các hoạt động sau đây:

1. Hoạt động mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài của người cư trú là tổ chức cho mục đích chuyển tiền một chiều quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định 70/2014/NĐ-CP ngày 17/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối (sau đây gọi là Nghị định số 70/2014/NĐ-CP).

2. Hoạt động mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài của người cư trú là công dân Việt Nam cho các mục đích chuyển tiền một chiều quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 70/2014/NĐ-CP.

3. Hoạt động thanh toán, chuyển tiền cho các giao dịch vãng lai khác quy định tại điểm g khoản 6 Điều 4 Pháp lệnh Ngoại hối 2005 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2013) (sau đây gọi là hoạt động thanh toán, chuyển tiền cho các giao dịch vãng lai khác).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối (sau đây gọi là ngân hàng được phép).

2. Người cư trú là tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động chuyển tiền một chiều từ Việt Nam ra nước ngoài và hoạt động thanh toán, chuyển tiền cho các giao dịch vãng lai khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Thân nhân là những người có quan hệ: bố đẻ, mẹ đẻ, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, bố nuôi, mẹ nuôi, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột với người cư trú là công dân Việt Nam xin mua, chuyển, mang ngoại tệ.

2. Giấy tờ chứng minh quan hệ thân nhân là các giấy tờ xác nhận quan hệ thân nhân nêu tại khoản 1 Điều này phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Mua ngoại tệ là việc người cư trú là tổ chức, cá nhân dùng đồng Việt Nam để mua ngoại tệ tại ngân hàng được phép để chuyển hoặc mang ra nước ngoài cho các mục đích quy định tại Thông tư này.

4. Chuyển ngoại tệ là việc người cư trú là tổ chức, cá nhân chuyển ngoại tệ ra nước ngoài thông qua các ngân hàng được phép.

5. Mang ngoại tệ là việc người cư trú là công dân Việt Nam hoặc cá nhân đại diện cho người cư trú là tổ chức mang ngoại tệ tiền mặt ra nước ngoài khi xuất cảnh.

CHƯƠNG II MUA, CHUYỂN, MANG NGOẠI TỆ RA NƯỚC NGOÀI CHO CÁC MỤC ĐÍCH CHUYỂN TIỀN MỘT CHIỀU CỦA NGƯỜI CƯ TRÚ LÀ TỔ CHỨC

Điều 4. Các trường hợp mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài cho mục đích chuyển tiền một chiều của tổ chức

1. Các trường hợp mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài để phục vụ mục đích tài trợ, viện trợ của tổ chức

a) Mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài để viện trợ theo các cam kết, thỏa thuận giữa Nhà nước, Chính phủ, các cấp chính quyền địa phương với nước ngoài. Nguồn viện trợ là các khoản kinh phí hỗ trợ từ ngân sách hoặc nguồn tiền của chính tổ chức viện trợ;

b) Mua, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để tài trợ khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, sự cố nghiêm trọng, hỗ trợ bệnh nhân hiểm nghèo, xóa đói giảm nghèo ở nước ngoài. Nguồn tài trợ là nguồn tiền huy động, tiếp nhận từ các tổ chức, cá nhân trong nước hoặc/và nguồn tiền của chính tổ chức tài trợ;

c) Mua, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để tài trợ cho các chương trình, các quỹ, dự án nhằm mục đích hỗ trợ và khuyến khích phát triển trong các lĩnh vực: văn hóa, giáo dục, y tế, ngoại giao, khoa học công nghệ. Nguồn tài trợ là nguồn tiền huy động, tiếp nhận từ các tổ chức, cá nhân trong nước hoặc/và nguồn tiền của chính tổ chức tài trợ.

2. Các trường hợp mua, chuyển tiền một chiều ra nước ngoài của tổ chức để phục vụ mục đích khác

a) Trả thưởng cho người không cư trú là tổ chức, cá nhân ở nước ngoài tham gia các chương trình, cuộc thi tại Việt Nam. Nguồn tiền trả thưởng là nguồn tiền tài trợ của người không cư trú là tổ chức ở nước ngoài hoặc nguồn tiền tài trợ của người cư trú là tổ chức;

b) Chuyển tiền một chiều ra nước ngoài từ nguồn tài trợ tiếp nhận của người không cư trú là tổ chức ở nước ngoài:

(i) Phân bổ tiền tài trợ cho các thành viên nước ngoài tham gia thực hiện các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học ở Việt Nam và nước ngoài;

(ii) Hoàn trả tiền tài trợ thực hiện các dự án ở Việt Nam theo các cam kết, thỏa thuận với bên nước ngoài.

Điều 5. Nguồn ngoại tệ chuyển, mang ra nước ngoài

Tổ chức được sử dụng ngoại tệ trên tài khoản thanh toán, ngoại tệ mua của ngân hàng được phép để chuyển, mang ra nước ngoài cho các mục đích quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Điều 6. Mua ngoại tệ để chuyển, mang ra nước ngoài

1. Tổ chức có nhu cầu ngoại tệ để chuyển ra nước ngoài cho các mục đích quy định tại Điều 4 Thông tư này liên hệ với ngân hàng được phép để mua và chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài.

2. Trường hợp người cư trú là tổ chức mua ngoại tệ của ngân hàng được phép để mang ra nước ngoài cho các mục đích quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 với số lượng trên mức phải khai báo hải quan phải xin Giấy xác nhận mang ngoại tệ tiền mặt ra nước ngoài do các ngân hàng được phép cấp theo quy định hiện hành của pháp luật về mang ngoại tệ tiền mặt khi xuất, nhập cảnh.

3. Trong phạm vi khả năng ngoại tệ hiện có, ngân hàng được phép có trách nhiệm đáp ứng các nhu cầu ngoại tệ của người cư trú là tổ chức để chuyển, mang ra nước ngoài cho các mục đích quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Điều 7. Chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài từ nguồn ngoại tệ trên tài khoản thanh toán

1. Tổ chức có nhu cầu sử dụng ngoại tệ trên tài khoản thanh toán để chuyển ra nước ngoài cho các mục đích quy định tại Điều 4 Thông tư này liên hệ với ngân hàng được phép để chuyển ngoại tệ ra nước ngoài.

2. Trường hợp người cư trú là tổ chức sử dụng ngoại tệ trên tài khoản thanh toán để mang ra nước ngoài cho mục đích quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 với số lượng trên mức phải khai báo hải quan thực hiện như quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

Điều 8. Mức ngoại tệ mua, chuyển, mang ra nước ngoài

1. Mức ngoại tệ mua, chuyển, mang ra nước ngoài trong các trường hợp nêu tại điểm a và b khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư này căn cứ vào mức tiền thực tế nêu trên giấy tờ, chứng từ có liên quan.

2. Người cư trú là tổ chức được mua, chuyển ngoại tệ cho mục đích nêu tại điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư này theo quy định sau:

a) Mức ngoại tệ mua, chuyển ra nước ngoài một lần chuyển tiền tối đa không vượt quá 50.000 USD hoặc các loại ngoại tệ khác có giá trị tương đương;

b) Tổ chức chỉ được mua, chuyển ngoại tệ tại một ngân hàng được phép trong toàn bộ quá trình thực hiện tài trợ cho mỗi dự án/chương trình/quỹ.

CHƯƠNG III

MUA, CHUYỂN, MANG NGOẠI TỆ RA NƯỚC NGOÀI CHO CÁC MỤC ĐÍCH CHUYỂN TIỀN MỘT CHIỀU CỦA NGƯỜI CƯ TRÚ LÀ CÔNG DÂN VIỆT NAM

Điều 9: Các trường hợp mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài cho mục đích chuyển tiền một chiều của người cư trú là công dân Việt Nam

Người cư trú là công dân Việt Nam được mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài cho các mục đích chuyển tiền một chiều quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 70/2014/NĐ-CP.

Điều 10. Nguồn ngoại tệ chuyển, mang ra nước ngoài

Người cư trú là công dân Việt Nam có nhu cầu chuyển, mang ngoại tệ cho các mục đích chuyển tiền một chiều được sử dụng ngoại tệ tự có của cá nhân (bao gồm ngoại tệ trên tài khoản thanh toán, ngoại tệ gửi tiết kiệm, ngoại tệ tự cất giữ), ngoại tệ mua của ngân hàng được phép để chuyển, mang ra nước ngoài.

Điều 11. Mua ngoại tệ để chuyển hoặc mang ra nước ngoài

1. Người cư trú là công dân Việt Nam có nhu cầu ngoại tệ để chuyển hoặc mang ra nước ngoài cho các mục đích chuyển tiền một chiều quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 70/2014/NĐ-CP liên hệ với ngân hàng được phép để mua ngoại tệ, chuyển hoặc mang ra nước ngoài.

2. Trường hợp người cư trú là công dân Việt Nam mua ngoại tệ của ngân hàng được phép để mang ra nước ngoài cho các mục đích chuyển tiền một chiều theo quy định với số lượng trên mức phải khai báo hải quan phải xin Giấy xác nhận mang ngoại tệ tiền mặt ra nước ngoài do các ngân hàng được phép cấp theo quy định hiện hành của pháp luật về mang ngoại tệ tiền mặt khi xuất, nhập cảnh.

3. Trong phạm vi khả năng ngoại tệ hiện có, ngân hàng được phép có trách nhiệm đáp ứng các nhu cầu ngoại tệ của người cư trú là công dân Việt Nam để chuyển, mang ra nước ngoài cho các mục đích chuyển tiền một chiều.

Điều 12. Chuyển, mang ngoại tệ từ nguồn ngoại tệ tự có của cá nhân

1. Người cư trú là công dân Việt Nam có nhu cầu sử dụng ngoại tệ tự có để chuyển ra nước ngoài cho các mục đích chuyển tiền một chiều theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 70/2014/NĐ-CP liên hệ với ngân hàng được phép để thực hiện chuyển ngoại tệ ra nước ngoài.

2. Trường hợp người cư trú là công dân Việt Nam mang ngoại tệ tự có với số lượng trên mức phải khai báo hải quan ra nước ngoài thực hiện như quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

Điều 13. Mức ngoại tệ mua, chuyển, mang ra nước ngoài

1. Mức ngoại tệ mua, chuyển, mang ra nước ngoài cho các mục đích học tập, chữa bệnh, đi công tác, du lịch, thăm viếng ở nước ngoài, trả các loại phí, lệ phí cho nước ngoài quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 7 Nghị định số 70/2014/NĐ-CP được căn cứ vào mức chi phí do phía nước ngoài thông báo.

Trường hợp không có thông báo của nước ngoài về tiền ăn, ở, sinh hoạt và các chi phí khác có liên quan đối với các mục đích học tập, chữa bệnh, đi công tác, du lịch, thăm viếng ở nước ngoài, ngoài số tiền chi phí đã được phía nước ngoài thông báo, người cư trú là công dân Việt Nam được mua, chuyển, mang thêm ngoại tệ theo mức quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Mức ngoại tệ mua, chuyển, mang ra nước ngoài cho mục đích trợ cấp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 Nghị định số 70/2014/NĐ-CP được thực hiện theo quy định sau:

a) Các ngân hàng được phép quyết định mức ngoại tệ mua, chuyển, mang trên cơ sở nhu cầu của cá nhân và phù hợp với mục đích hỗ trợ chi phí sinh hoạt, ổn định cuộc sống của người được trợ cấp ở nước ngoài; và

b) Mức ngoại tệ mua, chuyển, mang cho một người được hưởng trợ cấp ở nước ngoài trong một năm không vượt quá thu nhập bình quân đầu người theo giá hiện hành của nước nơi người được trợ cấp đang sinh sống. Số liệu về thu nhập bình quân đầu người của các nước được Ngân hàng thế giới công bố gần nhất trên trang <https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.PCAP.CD>

3. Mức ngoại tệ mua, chuyển ra nước ngoài cho mục đích chuyển tiền thừa kế cho người hưởng thừa kế ở nước ngoài quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 7 Nghị định số 70/2014/NĐ-CP căn cứ vào giá trị tài sản mà người hưởng thừa kế được hưởng theo quy định pháp luật về thừa kế.

4. Mức ngoại tệ mua, chuyển ra nước ngoài cho mục đích chuyển tiền trong trường hợp định cư ở nước ngoài quy định tại điểm e khoản 2 Điều 7 Nghị định số 70/2014/NĐ-CP căn cứ vào giá trị tài sản được hình thành hợp pháp tại Việt Nam trước khi nhập quốc tịch hoặc được phép cư trú dài hạn ở nước ngoài của người chuyển tiền.

Trường hợp chuyển tiền để thanh toán các chi phí liên quan đến thủ tục xin định cư ở nước ngoài (không bao gồm giá trị đầu tư để có quốc tịch hoặc được định cư ở nước ngoài), mức ngoại tệ mua, chuyển, mang ra nước ngoài được căn cứ vào mức chi phí do phía nước ngoài thông báo.

Các giao dịch chuyển tiền đầu tư để được phép có quốc tịch hoặc định cư ở nước ngoài được thực hiện theo quy định hiện hành về hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Điều 14. Mua, chuyển hoặc mang ngoại tệ cho thân nhân đang học tập, chữa bệnh ở nước ngoài

Người cư trú là công dân Việt Nam được mua, chuyển, mang ngoại tệ cho thân nhân đang học tập hoặc chữa bệnh ở nước ngoài theo các quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Thông tư này.

CHƯƠNG IV THANH TOÁN, CHUYỂN TIỀN CHO CÁC GIAO DỊCH VĂNG LAI KHÁC CỦA NGƯỜI CƯ TRÚ LÀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 15. Thanh toán, chuyển tiền cho các giao dịch vãng lai khác

1. Hoạt động thanh toán, chuyển tiền cho các giao dịch vãng lai khác của người cư trú là tổ chức và cá nhân bao gồm:

a) Các khoản thanh toán và chuyển tiền liên quan đến tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập; quá cảnh; hoạt động trung gian thương mại; đặt gia công hàng

hóa ở nước ngoài và các hoạt động khác có liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định của pháp luật về thương mại;

b) Thanh toán, chuyển tiền ra nước ngoài liên quan đến các khoản thu/ nộp thuế thu nhập, thuế tài sản;

c) Thanh toán, chuyển tiền ra nước ngoài liên quan đến các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội;

d) Thanh toán, chuyển tiền ra nước ngoài liên quan đến các khoản chi trả bảo hiểm xã hội;

đ) Thanh toán, chuyển tiền ra nước ngoài liên quan đến các khoản đóng phí bảo hiểm phi nhân thọ;

e) Thanh toán, chuyển tiền ra nước ngoài theo quyết định/bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án/trọng tài;

g) Thanh toán, chuyển tiền ra nước ngoài liên quan đến các khoản bồi thường do làm hư hỏng tài sản, vi phạm hợp đồng/thỏa thuận, gây thương tích mà chưa được bảo hiểm chi trả.

2. Việc thanh toán, chuyển tiền cho các giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này phải thực hiện thông qua các ngân hàng được phép.

CHƯƠNG V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ hàng tháng, chậm nhất trước ngày 20 (hai mươi) của tháng tiếp theo, ngân hàng được phép báo cáo bằng văn bản giấy, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối) về tình hình mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài của người cư trú là tổ chức cho mục đích chuyển tiền một chiều (theo mẫu tại Phụ lục ban kèm Thông tư này). Thời gian chốt số liệu báo cáo được tính từ ngày 15 của tháng trước đến ngày 14 của tháng báo cáo.

2. Định kỳ hàng tháng, ngân hàng được phép báo cáo về tình hình mua, chuyển, mang ngoại tệ của người cư trú là công dân Việt Nam, tình hình mua, bán ngoại tệ tiền mặt với cá nhân theo quy định về chế độ báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 17. Trách nhiệm của ngân hàng được phép

1. Thực hiện nghiêm túc và hướng dẫn khách hàng thực hiện các quy định tại Thông tư này.

2. Xây dựng quy định nội bộ, trong đó có quy định về giấy tờ, chứng từ chứng minh mục đích chuyển tiền, đảm bảo việc cung ứng các dịch vụ ngoại hối được thực hiện đúng mục đích và phù hợp với quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật; Quy định việc kiểm tra, giám sát số liệu chuyển tiền trong

trường hợp tổ chức mua, chuyển ngoại tệ nhiều lần để thực hiện một dự án, một chương trình, một quỹ để đảm bảo tổng số tiền chuyển không vượt mức chi phí thực tế trên giấy tờ, chứng từ liên quan của tổ chức; Quy định việc kiểm tra, giám sát số liệu chuyển tiền của tổ chức, cá nhân cho các mục đích chuyển tiền một chiều và giao dịch vãng lai khác trong cùng hệ thống ngân hàng mình để đảm bảo số tiền chuyển không vượt mức chi phí thực tế trên giấy tờ, chứng từ liên quan của tổ chức, cá nhân. Yêu cầu tổ chức, cá nhân có văn bản cam kết chuyển tiền phù hợp với mức chi phí thực tế trên giấy tờ, chứng từ liên quan.

3. Kiểm tra, lưu giữ các giấy tờ và chứng từ phù hợp với các giao dịch thực tế theo quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật liên quan.

4. Yêu cầu các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện giao dịch mua, chuyển, mang ngoại tệ cho các mục đích chuyển tiền một chiều và hoạt động thanh toán, chuyển tiền cho các giao dịch vãng lai khác cung cấp các thông tin cần thiết về tổ chức, cá nhân mua, chuyển, mang ngoại tệ và tổ chức, cá nhân thụ hưởng, trong đó bao gồm tối thiểu các thông tin sau đây:

a) Thông tin nhận biết khách hàng là tổ chức, cá nhân mua, chuyển, mang ngoại tệ theo quy định của pháp luật phòng, chống rửa tiền;

b) Thông tin cần thiết về tổ chức, cá nhân thụ hưởng cho hoạt động thanh toán, chuyển tiền cho mục đích chuyển tiền một chiều và các giao dịch vãng lai khác: Tên của tổ chức, cá nhân thụ hưởng, số tài khoản của tổ chức, cá nhân thụ hưởng, ngân hàng thụ hưởng (địa chỉ, quốc gia).

5. Ngân hàng được phép có quyền từ chối hoặc không thực hiện các giao dịch bán, chuyển hoặc cấp Giấy xác nhận mang ngoại tệ ra nước ngoài nếu tổ chức, cá nhân cung cấp không đầy đủ và/hoặc không chính xác thông tin theo quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, bao gồm cả các biện pháp kiểm tra, xác minh thông tin của khách hàng, kịp thời phát hiện các giao dịch bất thường và báo cáo giao dịch đáng ngờ khi có đủ cơ sở hợp lý theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân có liên quan:

1. Cung cấp đầy đủ các thông tin cho ngân hàng được phép theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các thông tin đã cung cấp cho ngân hàng được phép.

2. Xuất trình các giấy tờ, chứng từ khi mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài phục vụ cho các mục đích chuyển tiền một chiều của cá nhân và thanh toán, chuyển tiền đối với các giao dịch vãng lai khác theo quy định của ngân hàng được phép; Xuất trình các giấy tờ, chứng từ chứng minh mục đích tài trợ, nguồn tài trợ, quyết định phê duyệt mức tài trợ của người đại diện hợp pháp của tổ chức, văn bản cam kết về tính hợp pháp của nguồn tiền được pháp luật cho phép và các giấy

tờ, chứng từ khác theo quy định của ngân hàng được phép khi mua, chuyển, mang ngoại tệ cho mục đích chuyển tiền một chiều của tổ chức; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các loại giấy tờ, chứng từ đã xuất trình cho ngân hàng được phép.

3. Không được sử dụng một bộ hồ sơ chứng từ để chuyển tiền vượt quá mức chi phí thực tế nêu trên các giấy tờ, chứng từ liên quan tại một hoặc nhiều ngân hàng được phép.

4. Không được chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, lừa đảo, gian lận và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

5. Thực hiện nghiêm túc quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm...

2. Bãi bỏ Thông tư 20/2011/TT-NHNN ngày 29/8/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc mua, bán ngoại tệ tiền mặt của cá nhân với tổ chức tín dụng được phép.

3. Thông tư này sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 17 Thông tư 02/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối như sau:

“b) Cá nhân là công dân Việt Nam mua ngoại tệ tiền mặt cho các mục đích học tập, chữa bệnh ở nước ngoài, đi công tác, du lịch và thăm viếng ở nước ngoài”.

4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) các ngân hàng được phép chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Như khoản 4 Điều 19;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu VP, Vụ PC, Vụ QLNH.

THỐNG ĐỐC